TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DS-ST
Ngày: 08- 9- 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1351/2023/TB-TA ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số E, N, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thủy T, sinh năm 2000 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022).

Địa chỉ: Số E N, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Bá Q và Nguyễn Thị Pha L – Công ty L1 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- **Bị đơn**: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường N, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Văn S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số E, N, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thủy T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số E N, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Lê Thị D, sinh năm 1975

Địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, Luật sư Q, Luật sư L có mặt, ông Đ, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn do bà Nguyễn Thủy T đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H với ông Trần Văn Đ có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/3/2019, bà H đã cho ông Đ vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng, trả góp mỗi tháng 12.500.000 đồng, mục đích vay phục vụ sinh hoạt gia đình và xây nhà, thời hạn vay là 50 tháng. Quá trình vay ông Đ mới trả cho bà H được 10 tháng tính từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/12/2019 với tổng số tiền là 125.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng. Từ ngày 15/01/2020 cho đến nay ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, bà H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Đ trả số tiền trên nhưng ông Đ không có thiện chi trả nợ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Tuyên bố chấm dứt giấy vay tiền ngày 15/3/2019 được lập giữa bà với ông Trần Văn Đ.

2/ Buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bả H số tiền còn lại 400.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 15/3/2019.

3/ Buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D phải thanh toán tiền lãi đã thỏa thuận từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/4/2023 là 40 tháng với lãi suất 0,5%/tháng: 400.000.000đồng x 40 tháng = 80.000.000đồng.

Tổng số tiền ông Đ bà D phải trả là 480.000.000 đồng.

Về án phi: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn S do bà Nguyễn Thủy T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông S thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 480.000.000 đồng; trong đó 400.000.000đồng tiền gốc và 80.000.000đồng tiền lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Trước đây bà với ông Trần Văn Đ là vợ chồng, tuy nhiên ngày 29/7/2022 bà đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ theo Bản án số 240/2022/HNGĐ-ST. Nguyên nhân bà làm đơn ly hôn với ông Đ là do vợ

chồng mâu thuẫn về kinh tế vì ông Đ thường xuyên bài bạc, nợ nần xã hội đen nên bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến khi Tòa án giải quyết ly hôn, vợ chồng độc lập về kinh tế, không ai quan tâm tới ai. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Đ trả nợ và buộc bà liên đới cùng với ông Đ trả số tiền nợ 480.000.000đồng là không có căn cứ. Đối với giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, bà không biết ông Đ có vay tiền của bà H hay không, chữ viết, chữ ký bà không biết là của ai và ông Đ cũng không hề nói với bà số tiền trên vay của bà H để phục vụ cho chi phí của gia đình. Nay, bà xác định trong giấy vay tiền trên bà không viết, không ký vào giấy vay tiền cũng không chứng kiến việc ông Đ có vay tiền của bà H và không liên quan trong vụ án, nên bà không đồng ý liên đới trả số tiền trên cùng với ông Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm tranh luận:

Giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, ông Đ là người ghi và ký vào giấy vay tiền tại nhà của ông Đ. Ông Đ hỏi bà H vay tiền với mục đích là xây nhà, căn nhà này hiện nay bà D đang là người trực tiếp sinh sống và quản lý. Thời điểm ông Đ vay tiền của bà H giữa ông Đ với bà Lê Thị D vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Năm 2022, bà D với ông Đ mới chấm dứt quan hệ hôn nhân bằng Bản án số 240/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 do Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết. Căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định, sau khi vợ chồng ly hôn vẫn có trách nhiệm trả nợ. Việc bà D cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 không liên hệ với nhau nhưng tại bản cam kết (bút lục 53) bà D nộp cho Tòa án thì ông Đ có ký xác nhận và lăn dấu vân tay xác nhận số nợ trên không liên quan tới bà D. Như vậy, lời trình bày của bà D là không đúng vì trước và sau khi ly hôn bà D với ông Đ có liên lạc với nhau, theo nguyên đơn được biết thì bà D biết ông Đ vay của bà H. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà D cùng có trách nhiệm liên đới với ông Đ trả cho bà H số tiền vay còn thiếu là 480.000.000đồng (trong đó nợ gốc 400.000.000đồng, tiền lãi 80.000.000 đồng).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 480.000.000đồng (trong đó tiền gốc 400.000.000đồng và tiền lãi 80.000.000 đồng) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Nguyên đơn buộc bà Lê Thị D cùng liên đới trả số tiền còn nợ trên là không có căn cứ, bởi: Việc ông Đ có vay tiền của bà H hay không thì bà D không biết cũng không ký vào giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, chính bản thân nguyên đơn

cũng xác định quá trình vay tiền và ký vào giấy vay tiền chỉ có bà H và ông Đ là người trực tiếp thực hiện, bà D không chứng kiến. Do vậy, buộc bà D cùng liên đối với ông Đ trả khoản nợ trên cho bà H, ông S là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà H, ông S số tiền còn nợ là 480.000.000đồng.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà số tiền 480.000.000đồng (Trong đó nợ gốc 400.000.000đồng nợ lãi 80.000.000đồng). Xét đơn khởi kiện của bà H thì đây là yêu cầu đòi lại khoản tiền đã cho vay và thanh toán tiền lãi. Như vậy, quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

|2| Về thủ tục tố tụng:

[21] Đối với ông Bùi Văn S là chồng của bà H xác định số tiền 500.000.000đồng bà H cho ông Đ vay là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà H khởi kiện ông Đ yêu cầu trả nợ số tiền trên ông thì ông đồng ý. Xét thấy, ông Bùi Văn S có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử đưa ông S vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với bà Lê Thị D trước đây là vợ của ông Trần Văn Đ, bà H xác định 500.000.000đồng bà H cho ông Đ vay để phục vụ gia đình và phát triển công việc. Nay bà H khởi kiện ông Đ và buộc bà D liên đới trả nợ số tiền trên. Nên Hội đồng xét xử đưa bà D vào tham gia là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn Đ đầy đủ. Qua xác minh được biết ông Đ không còn sinh sống tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo. Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn về việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Trần Văn Đ là bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, ông Đ vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Việc trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi của mình vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của đương sự nhưng do ông Trần Văn Đ cố tình không đến Tòa làm việc, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì mặc nhiên ông Đ thừa nhận là có vay tiền của bà H theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố dân của năm 2015, nên Tòa án chỉ có thể căn cứ trên lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn S số tiền 400.000.000đồng còn thiếu theo giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019 thì thấy:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, đề tên Trần Văn Đ ký và ghi họ tên đầy đủ. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà T là đại diện theo ủy quyền của bà H, ông S xác định khoản tiền mà ông Đ còn thiếu của bà H, ông S là nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà D vì mục đích vay tiền là để phục vụ công việc của gia đình và xây nhà (căn nhà này hiện nay bà D đang là người trực tiếp ở và quản lý) nên bà H mới đồng ý cho ông Đ vay. Bà Lê Thị D xác định giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, bà không biết ông Đ có vay tiền của ba H hay không, chữ viết, chữ ký bà không biết là của ai và ông Đ cũng không nói với bà số tiền trên có vay của bà H để phục vụ cho chi phí của gia đình. Xét, thời điểm ông Đ vay tiền của bà H, ông S thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà D vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, qua thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thụ lý số 1024/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D với ông Đ là do ông Đ thường xuyên bài bạc, nợ nần chồng chất dẫn đến việc xã hội đen đe dọa gia đình. Theo biên bản xác minh ngày 19/5/2022 (trong hồ sơ giải quyết ly hôn), ông Đ không sống chung nhà với bà Lê Thị D tại địa chỉ trên. Ông Đ vay tiền của bà H thì bà D không biết, không ký và không thừa nhận. Tại phiên tòa bà T cũng xác định quá trình giao tiền và viết giấy vay tiền không có sự chứng kiến của bà D. Đồng thời, ông Đ không đến Tòa án làm việc không có lời khai về nội dung vay tiền trên, nên không có căn cứ buộc bà D có trách nhiệm liên đới cùng với ông Đ trả khoản nợ trên cho bà H, ông S.

Cho nên, chỉ có căn cứ buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn S số tiền 400.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà H, ông S số tiền nợ gốc là 400.000.000đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới phải thanh toán tiền lãi đã thỏa thuận từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/5/2023 với lãi suất 0,5%/tháng: 400.000.000 đồng x là 40 tháng = 80.000.000đồng; thì thấy: Trong giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019, các bên có thỏa thuận về tiền lãi, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H cũng xác định thời điểm cho vay có tính lãi suất, thời hạn vay

trả trong 50 tháng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Do vậy, lãi suất được xác định theo lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là có căn cứ. Như nhận định ở trên, chỉ có căn cứ buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả tiền nợ lãi cho bà H, ông S, không có căn cứ buộc bà D liên đới trả liền nợ lãi.

[3.4]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà H, ông S số tiền nợ gốc 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) và nợ lãi là 80.000.000đồng (T1 mươi triệu đồng), tổng số tiền 480.000.000đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

[4] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng chi phi đăng trên cổng thông tin đại chúng. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận, nên ông Trần Văn Đ phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng là 10.000.000 đồng.

[5]. Về án phí. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6]. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về yêu cầu buộc bà Lê Thị D cùng liên đới với ông Trần Văn Đ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi là không có căn cứ. Đối với phần trình bày trên của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 463, Khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Trần Văn Đ.

- Buộc ông Trần Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn S số tiền 480.000.000đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi 80.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi cho người được thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phi tố tụng. Ông Trần Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Nguyễn Thị H số tiền chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng là 10.000.000đồng.

3. Về án phí. Ông Trần Văn Đ phải chịu 23.200.000đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phi dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phi đã nộp là 11.700.000đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp theo các biên lai thu số 0005987 và 0005988 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn S, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn Đ, bà Lê Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đại hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải